

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2025

“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào.

Ông Lê Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01/11/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim T – sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố P, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn H – sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố P, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 21/10/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Trần Kim T trình bày:

Vào năm 2000, bà và ông Hồ Văn H tự tìm hiểu tình cảm một thời gian thì kết hôn với nhau. Hôn nhân tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng do không am hiểu nên vợ chồng không có đăng ký kết theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng bà hay rượu chè, mỗi lần đi nhậu về là kiểm chuyện mắng chửi, đánh bà, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân với nhau

khoảng 14 năm nay. Trong thời gian ly thân bà và chồng không có liên lạc hay trao đổi gì với nhau nên không giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng, ông H cũng không về thăm con và không chu cấp cho bà nuôi con. Nay, bà nhận thấy giữa hai vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có 01 con chung là: Hồ Trung H1 – sinh ngày 18/8/2003, con chung từ khi ly thân đến nay do bà chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, bà Trần Kim T yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Văn H; Về con chung, do con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về vấn đề con chung; Về tài sản chung, nợ chung: bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hồ Văn H không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông H nhưng ông không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 131, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kim T, xử không công nhận bà Trần Kim T và ông Hồ Văn H là vợ chồng; Về con chung: Do con chung đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: không có và bà T không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Trần Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn H được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Ông Hồ Văn H với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông H không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, ông Hồ Văn H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Kim T và ông Hồ Văn H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình chung sống cho đến nay ông bà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống bà T và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không hòa giải được những mâu thuẫn nên bà T có nguyện vọng được ly hôn. Ông H thì không đến Tòa án cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến. Nhưng giữa hai ông bà đã có thời gian ly thân với nhau rất lâu hơn 14 năm, nghĩa là cuộc hôn nhân này cả hai ông bà đều không mong muốn hàn gắn và không thể cứu vãn được nữa. Thêm vào đó, hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, ông bà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tại thời điểm xét xử Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung nên theo Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của bà T và ông H là quan hệ vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Trần Kim T xác định quá trình chung sống vợ chồng chỉ có 01 con chung tên Hồ Trung H1 – sinh ngày 18/8/2003. Do con chung hiện tại đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề con chung. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do ông Hồ Văn H không có ý kiến tại Tòa về vấn đề tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì ông H có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc

giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bà Trần Kim T phải chịu nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Kim T và ông Hồ Văn H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Kim T phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006192, ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/3/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND Thị trấn Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhậ